

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH HÓA
TỈNH THÁI NGUYÊN**
Bản án số: 52/2021/HSST
Ngày 29/9/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Đức Thủy.

2. Bà Lương Thị Bông.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2021/TLST- HS ngày 14/9/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST- HS, ngày 15/9/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Xuân N** (không có tên gọi khác: Không), sinh ngày 22/02/1990 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện nay: Xóm ĐB, xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 9/12; con ông Phạm Xuân N và bà Đào Thị Th; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

**** Người bị hại:***

- Bà Phạm Thị KH, sinh năm: 1969. Nơi cư trú: Xóm ĐB, xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

**** Người làm chứng:***

- Ông Phạm Xuân Ninh, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Xóm ĐB, xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

- Anh Ma Khánh H1, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Xóm KH Trung, xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Xóm QV 1, xã TH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt).
- Bà Trần Thị Mận, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Xóm Xóm QV 2, xã TH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 14/6/2021 Phạm Xuân N đi bộ từ nhà ra đường tỉnh ĐT 264B theo hướng đi xóm Yên Thông, xã BY để đi chơi. Khi đi qua nhà bà Phạm Thị KH thấy nhà mở cửa, N đi vào để xin nước uống. Khi N vào đến phòng khách thấy không thấy có ai, N gọi “Cô ơi” nhưng không ai trả lời. N tiếp tục đi về phía phòng ngủ thấy bà KH đang ngủ, cạnh cửa buồng ngủ có 01 chiếc túi xách màu đen treo tại giá móc quần áo trên tường. N nhìn quanh không thấy ai nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân. N dùng tay phải mở nắp túi xách và thò tay vào bên trong lấy hết tiền và giấy tờ từ trong túi xách ra. N thấy có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế của bà KH và tiền Việt N bao gồm các tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 100.000 đồng và 50.000 đồng. N cầm tiền, giấy tờ đi ra cửa được khoảng một mét thì quay lại cất giấy chứng minh nhân dân, thẻ bảo hiểm y tế của bà KH vào túi xách bà KH, còn cầm tiền cất giấu vào túi quần đùi bên phải N đang mặc đi về nhà. Sau khi đi về nhà N mượn xe mô tô của bố là ông Phạm Xuân Ninh để đi cắt tóc. Khi điều khiển xe mô tô đến đoạn đường giáp ranh giữa xóm ĐB và xóm Nạ Riêng, xã BY thì N dừng xe lại và kiểm đếm số tiền vừa trộm cắp của bà KH được tổng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Sau đó N dùng số tiền trên để đi cắt tóc hết 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng); trả nợ cho anh Ma Khánh H1 hết 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng); tiêu xài cá nhân hết 410.000 đồng (Bốn trăm mười nghìn đồng), số tiền còn lại là 1.070.000 đồng (Một triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng) N cất giấu trong người và đến chiều tối cùng ngày thì bị công an phát hiện thu giữ.

Về phía bà Phạm Thị KH, sau khi ngủ dậy bán hàng, khi kiểm tra túi xách tay đựng tiền để trên móc quần áo trong phòng ngủ thấy không còn đồng nào, số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) bà để trong túi đã bị mất. Bà KH đã làm đơn trình báo đến Công an xã BY sự việc. Công an xã BY lập biên bản vụ việc, xác minh đối tượng và triệu tập Phạm Xuân N đến làm việc. Tại đây N, đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản là tiền của gia đình bà KH với tổng số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) như bà KH đã trình báo và giao nộp số tiền 1.070.000 đồng

(Một triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng) cho công an xã BY. Công an xã BY đã lập hồ sơ, tài liệu chuyển đến Công an huyện Đ giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận giám định số: 1129/KL-KTHS ngày 14/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Số tiền 1.070.000 đồng (Một triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng) của Phạm Xuân N giao nộp gửi giám định là tiền thật. Hoàn lại toàn bộ số tiền gửi giám định.

Vật chứng của vụ án gồm: Số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) bị cáo lấy trộm của gia đình bà KH ngày 14/6/2021. Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho bà KH 1.070.000 đồng (Một triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng), số tiền còn lại 1.930.000 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) ngày 22/9/2021 bị cáo đã hoàn trả cho bà KH. Bà KH không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Với hành vi nêu trên, tại bản Cáo trạng số: 52/ CT-VKSDH ngày 13/9/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo N ra xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội. Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Xuân N phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân N từ 09 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có nghề nghiệp gì ổn định, không có tài sản gì có giá trị.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng:

Số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) đã được trả lại cho bà Khanh quản lý, sử dụng. Bà Khanh không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm vì vậy không xem xét gì thêm.

Về án phí: Bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

Bị cáo N không tranh luận, bào chữa gì.

Bị hại không có tranh luận gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo N nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án thấp nhất. Xin cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] . Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát Điều tra, của Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không có ý kiến, KH1 nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] . Về tội danh, điều luật truy tố: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai, bản tự khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm tài sản bị mất, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác Cơ quan Điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, hình ảnh trích xuất Camera an ninh của gia đình bà KH, kết luận giám định và các tài liệu được thu thập được khách quan có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 13 giờ ngày 14/6/2021, Phạm Xuân N đi bộ từ nhà ra đường tỉnh ĐT 264B theo hướng đi xóm Yên Thông, xã BY để đi chơi. Khi đi đến khu vực nhà bà KH, thấy nhà bà KH đang mở cửa N vào để xin nước uống. Khi vào đến trong nhà thấy bà KH đang ngủ trong buồng, cửa buồng có 01 chiếc túi xách màu đen treo tại giá móc quần áo trên tường không thấy có ai trông coi. N dùng tay phải mở nắp túi xách và thò tay vào bên trong lấy toàn bộ số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) của bà KH đem về nhà, sau đó đem đi sử dụng vào việc trả tiền cắt tóc, trả nợ, tiêu sài cá nhân hết 1.930.000 (Một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng), số tiền còn lại là 1.070.000 đồng (Một triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng) N cất giấu trong người và đến chiều tối cùng ngày thì bị công an phát hiện thu giữ như đã nêu trên.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Xuân N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Phạm Xuân N về tội danh và điều luật viện dẫn ở trên và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, vi phạm pháp luật hình sự, phải được xử lý nghiêm minh.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy:

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả. Vì vậy bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì vậy bị cáo được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và một tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và có lý lịch, nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung trong xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại gia đình, địa phương nơi cư trú là thỏa đáng, mức hình phạt tù cho hưởng án treo mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp cần được chấp nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo N không có nghề nghiệp, không có thu nhập gì ổn định, không có tài sản có giá trị, sống phụ thuộc gia đình bố mẹ, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) bị cáo lấy trộm của gia đình bà KH đã được Cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho bà KH số tiền 1.070.000 đồng (Một triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng). Số tiền còn lại là 1.930.000 đồng (Một triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng) ngày 22/9/2021 bị cáo N đã tự nguyện bồi hoàn cho bà KH. Bà KH đã nhận lại toàn bộ số tiền bị cáo N đã lấy trộm và không yêu cầu bị cáo N bồi thường gì thêm. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6].Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 260; Điều 299; 326 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Xuân N 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Xuân N cho Ủy ban nhân dân xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Xuân N.

3. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) bị mất trộm đã được thu hồi, hoàn trả lại cho bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Xuân N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo; bị hại báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hóa ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Công an huyện Định Hóa (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng

